



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và  
các công ty con**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký  
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 20 tháng 10 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là ngày 20 tháng 10 năm 2010. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu tiên số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

**Hội đồng Quản trị**

Tiến sĩ Nguyễn Đăng Quang  
Ông Hồ Hùng Anh  
Bà Nguyễn Hoàng Yến  
Ông Nguyễn Thiều Nam  
Ông Madhur Maini  
Ông Lars Kjaer

Chủ tịch  
Phó Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên  
Thành viên

**Trụ sở đăng ký**

Phòng 802, Central Plaza  
17 Lê Duẩn  
Phường Bến Nghé, Quận 1  
Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

### **PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Tập đoàn đính kèm tại thời điểm và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



The stamp is circular and red, containing the text: 'S.Đ.Đ. 0303576603', 'CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MA SAN', and 'THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH'. A blue ink signature is written over the stamp.

Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2011





**KPMG Limited**  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street  
District 1, Ho Chi Minh City  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266  
Fax +84 (8) 3821 9267  
Internet www.kpmg.com.vn

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**

### Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) bao gồm các bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 31 tháng 3 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, và các kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-01-542



Nguyễn Thanh Nghị  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Vũ Định  
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2011



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
<b>TÀI SẢN</b>						
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>4.626.838</b>	<b>2.441.831</b>	<b>1.636.159</b>	<b>671.630</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>3.394.575</b>	<b>1.123.616</b>	<b>1.037.261</b>	<b>364.265</b>
Tiền	111		1.155.118	523.616	1.037.261	364.265
Các khoản tương đương tiền	112		2.239.457	600.000	-	-
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>490.000</b>	<b>776.000</b>	<b>-</b>	<b>296.000</b>
<b>Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>	<b>6</b>	<b>314.209</b>	<b>282.936</b>	<b>592.463</b>	<b>9.105</b>
Phải thu khách hàng	131		64.125	56.830	-	-
Trả trước cho người bán	132		83.966	68.714	4.692	-
Phải thu khác	135		166.823	159.284	587.771	9.105
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(705)	(1.892)	-	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>290.200</b>	<b>199.466</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Hàng tồn kho	141		296.547	237.288	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.347)	(37.822)	-	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>137.854</b>	<b>59.813</b>	<b>6.435</b>	<b>2.260</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		10.131	3.950	262	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		118.872	47.678	5.877	2.257
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2	6.550	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		8.849	1.635	296	3

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>16.502.700</b>	<b>4.575.263</b>	<b>18.672.990</b>	<b>6.430.811</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>8.261.999</b>	<b>605.360</b>	<b>2.039</b>	<b>-</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	8	561.229	465.483	251	-
<i>Nguyên giá</i>	222		777.268	597.478	269	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(216.039)	(131.995)	(18)	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	11.686	14.096	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		16.871	16.871	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.185)	(2.775)	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	72.564	72.865	219	-
<i>Nguyên giá</i>	228		85.882	82.688	234	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(13.318)	(9.823)	(15)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	7.616.520	52.916	1.569	-
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>12</b>	<b>8.099.909</b>	<b>3.919.827</b>	<b>18.661.978</b>	<b>6.430.811</b>
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	10.557.997	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	252		8.099.909	3.919.827	8.103.981	4.084.496
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>140.792</b>	<b>50.076</b>	<b>8.973</b>	<b>-</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	70.771	11.885	8.730	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	49.154	25.420	-	-
Tài sản dài hạn khác	268		17.295	8.603	243	-
Lợi thế thương mại	269	15	3.572	4.168	-	-
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>21.129.538</b>	<b>7.017.094</b>	<b>20.309.149</b>	<b>7.102.441</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
			Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>NGUỒN VỐN</b>						
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.981.050</b>	<b>1.947.555</b>	<b>3.138.393</b>	<b>650.579</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.224.917</b>	<b>1.210.937</b>	<b>1.180.433</b>	<b>20.579</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	1.124.674	687.260	-	-
Phải trả khách hàng	312		443.583	267.168	20.728	4.525
Người mua trả tiền trước	313		7.997	11.267	-	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	17	152.842	77.417	1.360	85
Phải trả nhân viên	315		5.395	148	27	-
Chi phí phải trả	316	18	502.838	163.590	175.667	15.969
Phải trả khác	319	19	987.588	4.087	982.651	-
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.756.133</b>	<b>736.618</b>	<b>1.957.960</b>	<b>630.000</b>
Vay và nợ dài hạn	334	20	5.000.560	734.723	1.957.960	630.000
Nợ thuế thu nhập hoãn lại	335	14	751.021	-	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	4.552	1.895	-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>10.623.685</b>	<b>4.762.088</b>	<b>17.170.756</b>	<b>6.451.862</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>10.623.685</b>	<b>4.762.088</b>	<b>17.170.756</b>	<b>6.451.862</b>
Vốn cổ phần	411	22	5.152.723	4.853.998	5.152.723	4.853.998
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	2.166.136	1.421.817	2.166.136	1.421.817
Vốn khác của chủ sở hữu	413	23	9.651.713	-	9.651.713	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		3.189	-	-	-
Vốn khác	419	4	(9.062.082)	(1.947.256)	-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		-	(1.178)	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		2.712.006	434.707	200.184	176.047
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>1.524.803</b>	<b>307.451</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>21.129.538</b>	<b>7.017.094</b>	<b>20.309.149</b>	<b>7.102.441</b>

Người lập:

*Lahal*

Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>24</b>	<b>5.689.498</b>	<b>4.078.147</b>	-	-
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>24</b>	<b>(103.211)</b>	<b>(120.333)</b>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>5.586.287</b>	<b>3.957.814</b>	-	-
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>25</b>	<b>(3.194.617)</b>	<b>(2.583.876)</b>	-	-
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>2.391.670</b>	<b>1.373.938</b>	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	1.620.919	160.292	255.443	226.961
Chi phí tài chính	22	27	(270.277)	(103.130)	(169.015)	(43.740)
Chi phí bán hàng	24		(951.265)	(636.751)	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(213.732)	(105.287)	(62.291)	(12.121)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			<b>2.577.315</b>	<b>689.062</b>	<b>24.137</b>	<b>171.100</b>
<b>Kết quả của các hoạt động khác</b>	<b>40</b>					
Thu nhập khác	31	28	19.370	18.632	-	4.447
Chi phí khác	32	29	(11.162)	(22.778)	-	-
<b>Lợi nhuận từ công ty liên kết</b>	<b>41</b>	<b>30</b>	<b>160.598</b>	<b>48.010</b>	-	-
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.746.121</b>	<b>732.926</b>	<b>24.137</b>	<b>175.547</b>
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>31</b>	<b>(140.638)</b>	<b>(73.130)</b>	-	-
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>31</b>	<b>23.734</b>	<b>19.722</b>	-	-
<b>Lợi nhuận thuần (mang sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>2.629.217</b>	<b>679.518</b>	<b>24.137</b>	<b>175.547</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**  
**(tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2010 Triệu VND	2009 Triệu VND	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
<b>Lợi nhuận thuần</b> <b>(mang từ trang trước sang)</b>			<b>2.629.217</b>	<b>679.518</b>	<b>24.137</b>	<b>175.547</b>
<b>Phân bổ cho:</b>						
Cổ đông thiểu số	61		346.178	262.944	-	-
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		2.283.039	416.574	-	-
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu bằng VND	70	32	4.635	2.677	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng VND	70	32	4.243	2.675	-	-

Người lập:

*Lahal*

Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**Tập đoàn**

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiếu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	32.000	-	-	-	227.892	(1.391)	213.319	471.820	400.974	872.794
Tăng vốn chủ sở hữu giả định	-	-	-	-	6.670	-	-	6.670	6.071	12.741
Công ty con công bố cổ tức (Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San) dưới hình thức trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành và tiền mặt	-	-	-	-	-	-	(200.252)	(200.252)	(182.310)	(382.562)
Việc mua lại giả định từ lợi ích cổ đông thiếu số	-	-	-	-	10.979	(168)	8.338	19.149	(19.149)	-
Tăng lợi ích cổ đông thiếu số trong các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	1.000	1.000
Mua từ lợi ích cổ đông thiếu số sau tái cấu trúc tập đoàn (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(933.496)	-	-	(933.496)	(154.046)	(1.087.542)
Mua lại lợi ích từ cổ đông thiếu số trong các công ty con	-	-	-	-	(528)	-	-	(528)	(5.472)	(6.000)
Vốn cổ phần đã phát hành	4.821.998	1.421.817	-	-	-	-	-	6.243.815	-	6.243.815
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu do việc mua lại các công ty con chịu sự kiểm soát chung (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(1.258.773)	-	-	(1.258.773)	-	(1.258.773)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	416.574	416.574	262.944	679.518
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	3.272	(3.272)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.891)	-	(2.891)	(2.561)	(5.452)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	<b>4.853.998</b>	<b>1.421.817</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(1.947.256)</b>	<b>(1.178)</b>	<b>434.707</b>	<b>4.762.088</b>	<b>307.451</b>	<b>5.069.539</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần Triệu VND	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VND	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Triệu VND	Vốn khác Triệu VND	Quỹ khen thưởng và phúc lợi Triệu VND	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty Triệu VND	Cổ đông thiểu số Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	4.853.998	1.421.817	-	-	(1.947.256)	(1.178)	434.707	4.762.088	307.451	5.069.539
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong một công ty con tại ngày mua	-	-	-	-	-	-	-	-	1.927.839	1.927.839
Mua lợi ích cổ đông thiểu số từ các công ty con (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(7.101.647)	-	-	(7.101.647)	(1.109.679)	(8.211.326)
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23)	-	-	9.651.713	-	-	-	-	9.651.713	-	9.651.713
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số từ việc một công ty con phát hành cổ phiếu (Thuyết minh 4)	-	-	-	-	(13.179)	-	-	(13.179)	53.179	40.000
Vốn cổ phần đã phát hành (Thuyết minh 22)	298.725	744.319	-	-	-	-	-	1.043.044	-	1.043.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.283.039	2.283.039	346.178	2.629.217
Phân bổ quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	5.740	(5.740)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.414)	-	(2.414)	13	(2.401)
Phân loại lại thành nợ ngắn hạn	-	-	-	-	-	(2.148)	-	(2.148)	(975)	(3.123)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái trong công ty con	-	-	-	3.189	-	-	-	3.189	797	3.986
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	5.152.723	2.166.136	9.651.713	3.189	(9.062.082)	-	2.712.006	10.623.685	1.524.803	12.148.488

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

**Công ty**

	Vốn cổ phần Triệu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần Triệu VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu Triệu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009</b>	32.000	-	-	500	32.500
Vốn cổ phần đã phát hành	4.821.998	1.421.817	-	-	6.243.815
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	175.547	175.547
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009</b>	4.853.998	1.421.817	-	176.047	6.451.862
Vốn cổ phần đã phát hành	298.725	744.319	-	-	1.043.044
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	24.137	24.137
Phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu			9.651.713	-	9.651.713
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	5.152.723	2.166.136	9.651.713	200.184	17.170.756

Người lập:

*Lahal*

Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>						
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>2.746.121</b>	<b>732.926</b>	<b>24.137</b>	<b>175.547</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>						
Khấu hao và phân bổ	02		104.599	71.346	1.038	-
Các khoản dự phòng	03		11.032	39.529	-	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(1.203)	-	(1.203)	(30)
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	05		547	523	-	-
Thu nhập từ bán cổ phiếu đầu tư	05		-	(53.454)	-	-
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức	05		(357.405)	(93.571)	(237.919)	(226.931)
Chi phí lãi vay	06		233.629	88.976	147.634	43.740
Bất lợi thương mại	07		(1.239.714)	-	-	-
Lợi nhuận từ công ty liên kết	07		(160.598)	(48.010)	-	-
<b>Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.337.008</b>	<b>738.265</b>	<b>(66.313)</b>	<b>(7.674)</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(44.579)	32.870	(480.918)	29.710
Biến động hàng tồn kho	10		(98.509)	(54.221)	-	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		343.745	237.547	34.709	6.924
			<b>1.537.665</b>	<b>954.461</b>	<b>(512.522)</b>	<b>28.960</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(105.384)	(74.777)	(19.715)	(30.089)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(92.865)	(70.260)	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.414)	(5.452)	-	-
<b>Tiền thuần thu từ/(chi cho) các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.337.002</b>	<b>803.972</b>	<b>(532.237)</b>	<b>(1.129)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2010 Triệu VND	2009 Triệu VND	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>						
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(851.009)	(411.673)	(2.072)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.394	229	-	-
Tiền thu hồi khoản vay từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	23		50.000	250.000	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ thành viên của Hội Đồng Quản Trị của công ty con	23		-	5.000	-	-
Khoản vay cấp cho các bên liên quan	23		(806.200)	(58.543)	-	-
Tiền thu hồi các khoản vay từ các bên liên quan	23		806.200	56.714	-	-
Khoản vay cấp cho cá nhân	23		(130.250)	(105.915)	-	-
Tiền thu hồi từ các khoản vay cấp cho cá nhân	23		130.250	105.915	-	-
Gửi tiền có kỳ hạn tại ngân hàng	24		(6.211.858)	(726.000)	-	(296.000)
Tiền gửi có kỳ hạn nhận được	24		6.447.858	-	296.000	-
Tiền chi cho đầu tư vào công ty liên kết	25		(596.449)	-	(596.449)	-
Tiền thuần thu được từ việc mua công ty con	25	4	4.515	-	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác	25		(1.000.000)	(331.000)	(1.000.356)	(225.000)
Tiền thu từ việc bán khoản đầu tư dài hạn	26		128.539	14.282	-	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		251.981	68.403	131.061	5.177
<b>Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.773.029)</b>	<b>(1.132.588)</b>	<b>(1.171.816)</b>	<b>(515.823)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2010	2009	2010	2009
			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		1.057.621	1.163.425	1.057.621	1.150.683
Tiền thu từ vốn góp của cổ đồng thiểu số vào các công ty con	31		40.000	1.000	-	-
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33		3.322.805	2.493.524	1.344.850	630.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.688.018)	(2.303.186)	-	(900.000)
Tiền chi trả cổ tức	36		-	(10)	-	-
Tiền chi trả cho chi phí đi vay	36		(9.735)	-	(9.735)	-
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>2.722.673</b>	<b>1.354.753</b>	<b>2.392.736</b>	<b>880.683</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>2.286.646</b>	<b>1.026.137</b>	<b>688.683</b>	<b>363.731</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		1.123.616	97.479	364.265	504
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(15.687)	-	(15.687)	30
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>3.394.575</b>	<b>1.123.616</b>	<b>1.037.261</b>	<b>364.265</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ**

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>2010</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Chi phí đầu tư bằng phát hành nợ	2.855.764	900.000	-	900.000
Chi phí đầu tư thông qua việc phát hành công cụ vốn chủ sở hữu	9.651.713	-	9.651.713	-
Cổ tức được công ty con trả dưới hình thức trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành	-	382.551	-	-
Thanh lý tài sản cố định bằng cách cắt trừ các khoản phải trả khách hàng	2.799	-	-	-
Chi phí của đầu tư dài hạn do Công ty nhận được thông qua hình thức góp vốn từ các cổ đông	-	5.093.132	-	5.093.132
Góp vốn vào công ty con thông qua các khoản đầu tư dài hạn	-	732.464	-	732.464
Mua trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cắt trừ các khoản phải thu từ công ty mẹ	-	400.000	-	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác chưa nhận được	-	128.539	-	-

Người lập:

*Lahal*

Tạ Thị Thùy Trang  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
 Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý và tư vấn đầu tư.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

Các hoạt động chính của các công ty con được mô tả như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế	
		31/12/2010	31/12/2009
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Tư vấn quản lý	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền	Tư vấn quản lý	100%	(*) -
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Thược Dược	Tư vấn quản lý	100%	(*) -
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	100%	-
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Kinh doanh và phân phối	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen	Sản xuất thực phẩm	-	(**) 72,8%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Sản xuất nước chấm	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Ma San HD	Sản xuất nước chấm và mì ăn liền	86,6%	72,8%
Công ty Cổ phần Ma San PQ	Sản xuất nước chấm	81,8%	68,8%
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Sản xuất bao bì	86,6%	72,8%
Công ty Cổ Phần Tâm Nhìn Ma San	Tư vấn quản lý	100%	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Tên công ty	Hoạt động chính	Phần trăm lợi ích kinh tế	
		31/12/2010	31/12/2009
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Tư vấn quản lý	80%	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Tư vấn quản lý	80%	-
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Khai thác quặng	80%	-

(\*) Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đồng Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thước Dược không được sở hữu bởi Công ty nhưng Công ty được ủy quyền 100% quyền bỏ phiếu và tất cả các lợi ích kinh tế liên quan đến quyền sở hữu trong các công ty này. Theo đó, Công ty có quyền kiểm soát đối với các công ty này.

(\*\*) Vào tháng 5 năm 2010, Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen đã sáp nhập hoạt động kinh doanh với Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và đã thôi tồn tại.

Tất cả các công ty con được thành lập tại Việt Nam.

Phần trăm các lợi ích kinh tế phản ánh phần trăm các lợi ích kinh tế của Công ty trực tiếp và gián tiếp thực tế trong các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 25 nhân viên (31/12/2009: 4 nhân viên) và Tập đoàn có 5.284 nhân viên (31/12/2009: 5.079 nhân viên).

## **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

#### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng triệu (“Triệu VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

#### (ii) Cơ sở hợp nhất

##### ***Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung***

Hợp nhất kinh doanh mà trong đó các công ty chịu sự kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông (“Cổ đông Kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất phù hợp với định nghĩa hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung vì có sự nối tiếp rủi ro và quyền lợi của Cổ đông Kiểm soát. Hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này đặc biệt nằm ngoài phạm vi của Chuẩn mực kế toán số 11- *Hợp nhất kinh doanh* và trong sự chọn lựa chính sách kế toán liên quan đến các giao dịch này, Tập đoàn đã cân nhắc Chuẩn mực kế toán số 01- *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực kế toán số 21- *Trình bày báo cáo tài chính*. Dựa trên các chuẩn mực này, Tập đoàn đã áp dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”). Tài sản và nợ phải trả của các công ty được hợp nhất theo giá trị sổ sách hiện tại dưới khía cạnh nhìn nhận của Cổ đông Kiểm soát. Bất kỳ chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị thuần của tài sản được sáp nhập được xem như là sự phân bổ vốn hoặc góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty được hợp nhất như thể cấu trúc của tập đoàn hiện tại đã tồn tại xuyên suốt toàn bộ giai đoạn đề cập trong báo cáo này dưới góc độ của Cổ đông Kiểm soát (hoặc từ lúc các công ty được hợp nhất vào ngày sau ngày bắt đầu của kỳ báo cáo gần nhất, cho kỳ từ ngày hợp nhất đến hết ngày kết thúc kỳ báo cáo tương ứng). Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn đã được trình bày để phản ánh tình trạng của các công ty được hợp nhất vào các ngày tương ứng.

##### ***Hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung***

Tất cả các hợp nhất kinh doanh không chịu kiểm soát chung được hạch toán bằng cách áp dụng phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà sự kiểm soát đã được chuyển giao cho tập đoàn. Sự kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi xem xét sự kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng mà có thể thực hiện được ở hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và các khoản nợ phải trả của công ty được mua sử dụng giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá mua bao gồm tổng giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn chủ sở hữu phát hành bởi Tập đoàn tại ngày trao đổi. Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm, được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn, mà Tập đoàn phát sinh khi hợp nhất kinh doanh bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(iii) Công ty con**

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

#### **(iv) Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)**

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

#### **(v) Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Việc mua lợi ích của cổ đông thiểu số sau khi kiểm soát hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát, phân chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần mua được hoặc chuyển nhượng tại ngày giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

#### **(vi) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

#### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi các chênh lệch này liên quan đến hoạt động xây dựng các tài sản cố định hữu hình hay chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong giai đoạn trước hoạt động của công ty con, khi đó các khoản chênh lệch này được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu cho đến khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng. Khi công ty con bắt đầu hoạt động và các tài sản cố định hữu hình này bắt đầu được đưa vào sử dụng, các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện có liên quan được kết chuyển toàn bộ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Doanh thu chưa thực hiện và lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện được kết chuyển vào Tài khoản Trả trước dài hạn. Các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### **(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

#### **(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư bằng hình thức tiền gửi có kỳ hạn và công cụ nợ; khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất; và các khoản đầu tư vào tất cả các công cụ vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính riêng được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình tăng trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và cấu trúc	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ máy móc và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(j) Tài sản cố định vô hình**

##### **(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

##### **(ii) Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng bốn năm.

##### **(iii) Thương hiệu**

Nguyên giá mua của thương hiệu được vốn hóa và ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm.

#### **(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong và tài sản khoáng sản chưa khai thác. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tài sản khoáng sản chưa khai thác bao gồm giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản, các chi phí liên quan đến việc triển khai trữ lượng này đã phát sinh trong hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai phát sinh sau này. Những tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Những tài sản này ban đầu được ghi nhận theo giá trị hợp lý như một phần của giao dịch hợp nhất kinh doanh và các chi phí triển khai liên quan đến việc khai thác sau đó sẽ được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán khoáng sản khai thác trong giai đoạn triển khai. Sau khi hoàn thành việc phát triển, thời điểm xác định là khi sản phẩm có thể bán bắt đầu được khai thác từ mỏ, tất cả các tài sản này được phân loại thành tài sản cố định hữu hình.

#### **(l) Chi phí trả trước dài hạn**

##### **(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ các chi phí thành lập, cũng như các chi tiêu cho các hoạt động đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi phát sinh từ ngày thành lập cho đến ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn, được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

#### **(iii) Công cụ, dụng cụ và trực in**

Công cụ, dụng cụ và trực in được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng từ sáu tháng đến hai năm.

#### **(iv) Chi phí vay**

Chi phí hình thành khoản cho vay liên quan đến các khoản vay dài hạn và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay.

#### **(m) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh không chịu sự kiểm soát chung do mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh.

Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

#### **(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

#### **(o) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc nghĩa vụ tiềm tàng đang hình thành có thể ước tính một cách tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro cụ thể với khoản nợ phải trả đó.

#### **(p) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được sử dụng.

#### **(q) Vốn chủ sở hữu**

##### **(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần***

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### **(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu***

Trong năm, Công ty ký kết các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày nhất định trong tương lai để mua các tài sản. Theo các thỏa thuận này, sẽ không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác và các công cụ này sẽ không làm giảm các nguồn lực kinh tế của Tập đoàn và Công ty. Tập đoàn và Công ty xem xét các quy định kế toán hiện hành để xác định phương pháp hạch toán cho các công cụ này. Tập đoàn và Công ty cũng đã xem xét các quy định kế toán liên quan khác ở các vùng lãnh thổ khác và Thông tư số 210/2009/TT-BTC phát hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 có hiệu lực đối với các niên độ tài chính từ ngày 1 tháng 1 năm 2011. Theo các hướng dẫn và thông tư trên, các giao dịch này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn và Công ty không áp dụng sớm Thông tư 210. Tuy nhiên, dựa theo những hướng dẫn này, Tập đoàn và Công ty đã áp dụng chính sách kế toán đó để ghi nhận các công cụ này vào Vốn khác trong chủ sở hữu thuộc vốn chủ sở hữu để hạch toán kế toán đem lại tính so sánh và đồng nhất cho các báo cáo tài chính trong tương lai theo yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 1 – *Chuẩn mực chung*.

##### **(iii) *Vốn khác***

Các biến động vốn chủ sở hữu do kết quả từ việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung và việc mua hoặc chuyển nhượng lợi ích cổ đông thiểu số được ghi nhận vào Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(r) Doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

#### **(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính**

##### **(i) *Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi, lãi từ khoản cho vay, cổ tức, thu từ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác và lãi chênh lệch tỷ giá. Lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích. Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu được ghi nhận trước đây là thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu thu được. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC, yêu cầu cổ tức nhận bằng cổ phiếu không được ghi nhận là thu nhập. Việc thay đổi chính sách kế toán do những thay đổi về các quy định về kế toán không ảnh hưởng đáng kể đến báo cáo tài chính.

##### **(ii) *Chi phí tài chính***

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay và lỗ do chênh lệch tỷ giá. Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hóa như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

#### **(t) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

#### **(u) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

#### **(v) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn khi tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận bao gồm các khoản trực tiếp thuộc về bộ phận đó và các khoản có thể phân bổ vào bộ phận đó một cách hợp lý. Các khoản không được phân bổ chủ yếu bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền được giữ bởi Công ty và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản đầu tư mà Công ty ký kết và các thu nhập phát sinh liên quan, các khoản vay đã được Công ty giải ngân và các chi phí phát sinh liên quan, tài sản chung của Công ty, chi phí quản lý doanh nghiệp, tài sản và nợ thuế thu nhập và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

#### **(w) Các bên liên quan**

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

#### **(x) Chi trả bằng cổ phiếu**

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên được ghi nhận theo mệnh giá. Việc mua lại những cổ phiếu này được thực hiện bởi các công ty liên quan ngoài Tập đoàn sẽ không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

#### **(y) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

**Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

	Thực phẩm và nước chấm		Khai thác khoáng sản	Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	2010	2009		2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Doanh thu của bộ phận	5.586.287	3.957.814	-	-	-	5.586.287	3.957.814
Lợi nhuận gộp của bộ phận	2.391.670	1.373.938	-	-	-	2.391.670	1.373.938
Kết quả kinh doanh của bộ phận	1.359.160	730.645	(6.448)	160.598	48.010	1.513.310	778.655
Chi phí không phân bổ						(89.382)	(12.124)
Doanh thu hoạt động tài chính						1.476.077	14.281
Chi phí tài chính						(162.092)	(43.740)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (bao gồm lợi nhuận từ công ty liên kết)						2.737.913	737.072
Thu nhập khác						19.370	18.632
Chi phí khác						(11.162)	(22.778)
Chi phí thuế thu nhập						(116.904)	(53.408)
Lợi nhuận thuần						2.629.217	679.518



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Thực phẩm và nước chấm		Khai thác khoáng sản		Dịch vụ tài chính		Tổng cộng	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	
Tài sản của bộ phận	4.323.096	2.400.230	7.505.579	8.099.909	3.919.827	19.928.584	6.320.057	
Tài sản không phân bổ						1.200.954	697.037	
<b>Tổng tài sản</b>						<b>21.129.538</b>	<b>7.017.094</b>	
Nợ phải trả của bộ phận	1.953.995	1.296.976	279.557	-	-	2.233.552	1.296.976	
Nợ phải trả không phân bổ						6.747.498	650.579	
<b>Tổng nợ phải trả</b>						<b>8.981.050</b>	<b>1.947.555</b>	
	<b>2010</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>	
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	
Mua sắm tài sản cố định	472.845	411.673	376.092	-	-	848.937	411.673	
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	98.916	54.963	568	-	-	99.484	54.963	
Khấu hao tài sản cố định vô hình	3.262	2.244	219	-	-	3.481	2.244	

**Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Tập đoàn chỉ hoạt động trong một vùng địa lý Việt Nam.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

#### 4. Hợp nhất kinh doanh và các giao dịch với lợi ích cổ đông thiểu số

##### (a) Việc mua công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, Công ty mua lại quyền kiểm soát Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (NPV), trước đây là một liên doanh giữa các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài. Để đổi lấy quyền sở hữu 70% của bên bán trong NPV và việc chuyển giao khoản vay 1.537 tỷ VNĐ của bên bán cho NPV, nhà đầu tư nước ngoài cùng với các công ty liên quan của họ (gọi chung là "bên bán chính") đã nhận được một quyền mua 29.770.465 cổ phiếu phổ thông của Công ty (xem thuyết minh 4 (a)(iii) dưới đây đối với các điều khoản của quyền chọn) (khoảng 5,5% tổng số cổ phiếu phổ thông sau khi tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm cuối năm) và hối phiếu nhận nợ có thể được sử dụng để thực hiện quyền chọn nói trên hoặc được thanh toán bằng tiền mặt (xem thuyết minh 4 (a)(i) dưới đây đối với các điều khoản của hối phiếu nhận nợ). Bên bán chính cũng giữ lại một quyền sở hữu gián tiếp trong NPV thông qua việc nắm giữ 20% quyền chủ sở hữu trong Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San (MR), một công ty con mới thành lập vào năm 2010 để giữ quyền sở hữu ở NPV thông qua công ty con hoàn toàn thuộc sở hữu của công ty này, Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên (MR-TN). Tập đoàn sở hữu 80% lợi ích vốn chủ sở hữu còn lại trong MR.

Việc sở hữu 20% của bên bán chính trong MR có thể được điều chỉnh trong khoảng giữa 15% và 35% theo giá của paratungstate amoni (sản phẩm sơ chế của vonfram) (xem thuyết minh 4 (a)(v) đối với các điều khoản của thỏa thuận). Một mức giá cao hơn sẽ làm tăng dần dần quyền sở hữu của bên bán chính trong MR và ngược lại. Thêm vào đó, Tập đoàn đã nhận được một quyền chọn mua để mua lại tất cả các quyền sở hữu của bên bán chính trong MR (bao gồm cả các cổ phiếu có thể có trong MR do kết quả của sự điều chỉnh nói trên) trong vòng ba năm kể từ ngày quyền chọn mua được ký kết bằng một khoản tiền mặt. Vào cuối năm thứ ba, nếu Tập đoàn không thực hiện quyền chọn mua, bên bán chính sẽ có quyền chọn bán trong vòng một tháng để bán toàn bộ quyền sở hữu của họ trong MR cho Tập đoàn để đổi lấy cổ phiếu phổ thông của Công ty (xem thuyết minh 4 (a)(iv) đối với các điều khoản của quyền chọn mua và quyền chọn bán).

Để thực hiện việc giao dịch trên, cùng với MR, hai công ty quản lý vốn đầu tư mới khác đã được thành lập trong năm 2010 bao gồm: Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San (MHC) và MR-TN. MHC được sở hữu toàn bộ bởi Công ty và là Công ty phát hành hối phiếu nhận nợ cho bên bán chính. Tại ngày 23 tháng 9 năm 2010, MHC có 80% quyền sở hữu trong MR. MR sở hữu 100% MR-TN và MR-TN trực tiếp sở hữu 85% NPV, bao gồm 15% quyền sở hữu mua trước ngày giao dịch này.

Một số điều khoản thương mại chính của việc giao dịch trên ảnh hưởng đến báo cáo tài chính đã được kiểm toán như sau:

- (i) **MHC phát hành hối phiếu nhận nợ** - Các hối phiếu nhận nợ được phát hành bởi MHC và là các nghĩa vụ không có đảm bảo và không có khả năng truy đòi đối với Công ty. Các hối phiếu nhận nợ được trả cho bên bán chính vào các ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 với số tiền là 237.980 triệu VNĐ và 2.617.784 triệu VNĐ tương ứng (xem phần thuyết minh 20j).
- (ii) **Tiền** - Công ty đã trả 2.512 triệu VNĐ như một phần của giao dịch.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Thương vụ này có ảnh hưởng đối với tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mua như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ trước thời điểm mua Triệu VND</b>	<b>Các điều chỉnh giá trị hợp lý Triệu VND</b>	<b>Giá trị ghi nhận tại thời điểm mua Triệu VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.027	-	7.027
Các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	28.140	-	28.140
Tài sản cố định	5.327	-	5.327
Tài sản ngắn hạn khác	8.174	-	8.174
Trữ lượng khoáng sản	2.009.395	5.006.805	7.016.200
Các khoản vay	(233.689)	-	(233.689)
Nợ phải trả ngắn hạn	(53,703)	-	(53,703)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(751.021)	(751.021)
<b>Tổng tài sản thuần có thể xác định được</b>	<b>1.770.671</b>	<b>4.255.784</b>	<b>6.026.455</b>
Lợi ích mua được trong tài sản thuần			4.097.990
Khoản thanh toán cho việc mua			(2.858.276)
<b>Bất lợi thương mại phát sinh từ việc mua NPV</b>			<b>1.239.714</b>
Chi phí mua bao gồm:			
Hối phiếu nhận nợ đã phát hành (Thuyết minh 20(j))			2.855.764
Tiền mặt đã trả			2.512
<b>Khoản thanh toán cho việc mua</b>			<b>2.858.276</b>
Khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản thuần xác định được với chi phí mua là 1.239.714 triệu VND được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.			
<b>Ảnh hưởng lưu chuyển tiền tệ bao gồm:</b>			
Tiền thu được			7.027
Tiền chi trả			(2.512)
<b>Tiền thuần thu được</b>			<b>4.515</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Dưới đây là các thông tin tài chính và các điều khoản thương mại chính của các công cụ tài chính phát hành cho bên bán chính như một phần của chi phí mua. Theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, các công cụ tài chính này không được ghi nhận trên báo cáo tài chính.

- (iii) **Quyền chọn mua cổ phiếu phổ thông của Công ty** - Công ty phát hành cho bên bán chính quyền chọn mua 1.962 tỷ VNĐ cổ phiếu của Công ty với giá 65.915 VNĐ mỗi cổ phiếu, tương đương 29.770.465 cổ phiếu của Công ty. Quyền chọn mua có thể được thực hiện bằng tiền mặt hoặc căn trừ bằng hối phiếu nhận nợ đã được MHC phát hành cho bên bán chính (xem phần thuyết minh 4 (a)(i) và 20j). Bên bán chính có thể thực hiện quyền chọn này từ năm thứ ba đến năm thứ năm tính từ ngày 23 tháng 9 năm 2010. Công ty có thể yêu cầu bên bán chính thực hiện việc chuyển đổi khi giá cổ phiếu của Công ty đạt mức 65.915 VNĐ trong 15 ngày liên tục, khi đó Công ty có thể trả hối phiếu nhận nợ phát hành cho bên bán chính hoặc là yêu cầu bên bán chính thực hiện quyền chọn.
- (iv) **Quyền chọn mua và quyền chọn bán cổ phiếu của MR** – bên bán chính nắm giữ 20% lợi ích vốn chủ sở hữu của MR sau giao dịch trên và phát hành cho Tập đoàn quyền chọn mua toàn bộ phần sở hữu này bằng tiền mặt trong vòng ba năm. Giá mua được xác định theo từng quý trong vòng ba năm và dao động từ 1.164 tỷ VNĐ đến 1.710 tỷ VNĐ. Đối lại, Công ty phát hành cho bên bán chính quyền chọn bán toàn bộ phần sở hữu của bên bán chính trong MR để mua cổ phiếu phổ thông của Công ty với số tiền là 1.710 tỷ VNĐ trong vòng một tháng sau khi kết thúc giai đoạn ba năm kể trên tại mức giá 65.915 VNĐ mỗi cổ phiếu.
- (v) **Điều chỉnh quyền sở hữu trong MR** - Tập đoàn ký một thỏa thuận với bên bán chính trong đó quy định Tập đoàn sẽ cho bên bán chính tối đa là 15% trong 80% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của Tập đoàn nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram tăng trên mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Đối lại, bên bán chính sẽ cho Tập đoàn tối đa 5% trong 20% lợi ích vốn chủ sở hữu trong MR của bên bán chính nếu giá của các hàng hóa và các sản phẩm cùng loại làm từ vonfram giảm dưới mức dao động đã xác định trong thỏa thuận. Thỏa thuận này có thể được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ ngày báo cáo kiểm toán của NPV được phát hành cho năm sau năm mà NPV sản xuất hơn 300.000 tấn chứa vonfram trioxit. Bất kỳ sự điều chỉnh tiềm tàng nào trong vốn chủ sở hữu của MR sẽ được bao gồm trong quyền chọn mua và các quyền chọn bán như mô tả trong thuyết minh số 4 (a)(iv), mà không có bất kỳ điều chỉnh cho giá phí để thực hiện các quyền chọn trên.
- (b) **Việc mua lợi ích cổ đông thiểu số trong công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo**

Vào ngày 15 tháng 10 năm 2010, Công ty đã mua lại 100% quyền sở hữu Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên, mà công ty này giữ 15% quyền sở hữu trong NPV và chuyển giao công ty mua được này cho công ty con của Công ty là MR-TN. Đối lại, Công ty đã phát hành một công cụ vốn chủ sở hữu là 22.629.310 cổ phiếu phổ thông trong vòng hai năm sau ngày hoàn tất giao dịch (khoảng 4,0% tổng số cổ phiếu phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm đó, bao gồm cả cổ phiếu phát hành cho bên bán chính theo quyền chọn mua được mô tả trong thuyết minh số 4 (a)(iii)). Căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu của Công ty là 53.000 VNĐ/cổ phiếu vào ngày hoàn tất giao dịch, chi phí mua được ghi nhận là 1.199.353 triệu VNĐ. Việc mua này dẫn đến kết quả Tập đoàn có 80% quyền sở hữu thực tế trong NPV tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Việc mua này có ảnh hưởng như sau:

	<b>Triệu VND</b>
Chi phí mua	1.199.353
Tài sản thuần mua được	(722.931)
	<hr/>
Các chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	476.422
	<hr/> <hr/>
	<b>Triệu VND</b>
Chi phí mua bao gồm:	
Công cụ vốn chủ sở hữu đã phát hành	1.199.353
	<hr/> <hr/>

Khi xem xét các sự kiện đã trình bày trong thuyết minh 4(a) và 4(b), giả sử quyền chọn mua được trình bày trong thuyết minh 4 (a)(iii) được thực hiện bằng việc thanh toán các hối phiếu nhận nợ, Công ty đã phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu tương đương với 9,2% quyền sở hữu trong tổng số cổ phiếu phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm 31 tháng 12 năm 2010. Để đổi lấy các công cụ vốn chủ sở hữu này của Công ty và 2.512 triệu VND bằng tiền, Công ty mua được 80% lợi ích kinh tế thực tế trong NPV, bao gồm cả quyền chọn mua và quyền chọn bán được mô tả trong thuyết minh 4 (a)(iv) và phụ thuộc vào sự điều chỉnh trong thuyết minh 4 (a)(v).

**(c) Sự kiện sau niên độ của MR và NPV**

Vào ngày 17 tháng 12 năm 2010, một nhà đầu tư đã ký kết một thỏa thuận với MR để đầu tư khoản tiền VND tương đương 100 triệu Đô la Mỹ cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới của MR, đại diện cho 20% quyền sở hữu. Được xem là một sự kiện sau niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, giao dịch này được kết thúc vào ngày 16 tháng 3 năm 2011. Là một phần của giao dịch, MHC đầu tư 487.500 triệu VND trong MR cho cổ phiếu phổ thông phát hành mới với mức giá đầu tư ngang giá. Kết quả là, quyền sở hữu của Tập đoàn trong MR bị suy giảm từ 80% xuống 65%. Công ty cũng cấp cho một nhà đầu tư một quyền chọn bán để bán 20% quyền sở hữu trong MR cho Công ty để đổi lấy cổ phiếu của Công ty nếu MR không được niêm yết trên một sàn giao dịch được quốc tế công nhận trong vòng 4,5 năm sau ngày giao dịch kết thúc. Số lượng cổ phiếu được phát hành trong trường hợp quyền chọn bán được thực hiện sẽ được tính dựa trên giá giao dịch của cổ phần của Công ty và số cổ phiếu này cho phép các nhà đầu tư đạt được mức tỷ suất sinh lời nội bộ hàng năm là 15%.

Sau niên độ tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và liên quan đến việc tài trợ vốn vay cho dự án mở quặng, vào ngày 22 tháng 1 năm 2011, NPV ký kết một thỏa thuận tín dụng với Ngân hàng Phát triển Việt Nam với khoản tín dụng có đảm bảo lên đến 2.377 tỷ VND trong vòng 8 năm. Vào ngày 28 tháng 3 năm 2011, NPV cũng đã ký một thỏa thuận tín dụng với một nhóm các ngân hàng đồng tài trợ trong nước với khoản tín dụng có đảm bảo lên đến 90 triệu Đô la Mỹ. Cả hai khoản tín dụng này đều sử dụng để phát triển dự án mở quặng của Núi Pháo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(d) Việc mua lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% quyền sở hữu trực tiếp trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (MFC) mà sau đó bị suy giảm còn 70,6% do việc chi trả bằng cổ phiếu cho nhân viên.

Vào ngày 24 tháng 12 năm 2010, Công ty mua lại 100% quyền biểu quyết và tất cả các lợi ích kinh tế trong Công ty TNHH Một Thành Viên Tư Vấn Hoa Đông Tiền và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Thực Dược, các công ty đầu tư mới được thành lập, mỗi công ty nắm giữ 8% cổ phiếu của MFC. Đổi lại, Công ty đã phát hành một công cụ vốn chủ sở hữu là 88.411.350 cổ phiếu phổ thông mới của Công ty (khoảng 14,7% tổng số cổ phiếu phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành vào thời điểm đó) trước ngày 24 tháng 6 năm 2014 được xác định trị giá là 6.012 tỷ VNĐ và đã thanh toán 400 tỷ đồng bằng tiền mặt. Lợi ích kinh tế của Tập đoàn trong MFC tăng từ 70,6% đến 86,6%. Công ty cũng đã trả 600 tỷ VNĐ, bao gồm giá mua, để tham gia vào một hợp đồng hoán đổi để bảo hiểm lợi ích kinh tế trong giao dịch này. Các hợp đồng hoán đổi này cho phép Công ty nhận được khoản tiền lên đến 2.609 tỷ VNĐ bằng tiền mặt trong 3,5 năm dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh của MFC từ năm 2011-2013. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này được tính dựa trên 13 lần lợi nhuận kế hoạch năm 2011 của MFC nhưng chỉ dao động từ 1.538 tỷ VNĐ đến 2.000 tỷ VNĐ và tăng lên đến 15 lần khi lợi nhuận của MFC tăng từ 30% hoặc cao hơn vào các năm 2011 và 2012. Khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi này là tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì khoản phải thu là không chắc chắn.

Việc mua này có các ảnh hưởng như sau:

	<b>Triệu VNĐ</b>
Chi phí mua	7.011.972
Tài sản thuần mua được	(386.747)
	<hr/>
Các chênh lệch được ghi nhận trong vốn khác	6.625.225
	<hr/>
	<b>Triệu VNĐ</b>
Chi phí mua bao gồm:	
Công cụ vốn chủ sở hữu đã phát hành	6.011.972
Tiền đã trả	1.000.000
	<hr/>
	7.011.972
	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Trong năm, ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu mới của MFC mà Tập đoàn không đăng ký mua được thể hiện như sau:

	<b>Triệu VND</b>
Cổ phiếu được phát hành theo mệnh giá mà Tập đoàn không đăng kí mua	(29.134)
Tài sản thuần suy giảm	42.313
	<hr/>
Chênh lệch được ghi nhận trong các vốn khác	13.179
	<hr/>

**Các biến động của quỹ khác như sau:**

	<b>Triệu VND</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010</b>	<b>(1.947.256)</b>
Mua lợi ích cổ đông thiểu số trong NPV	(476.422)
Mua lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	(6.625.225)
Tăng lợi ích cổ đông thiểu số trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	(13.179)
	<hr/>
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010</b>	<b>(9.062.082)</b>
	<hr/>

**(e) Giao dịch trong năm 2009**

Tại ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tham gia vào tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ nắm giữ 54,8% của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San, mà sau đó công ty này trở thành công ty con. Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San trực tiếp sở hữu và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Ma San PQ, Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan. Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan trực tiếp sở hữu và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen. Phản ánh sự thay đổi trên, công ty mẹ, Công ty Cổ phần Ma San, đã chuyển 54,8% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San cho Công ty để đổi lại Công ty đã phát hành 125.877.284 cổ phiếu phổ thông của Công ty cho công ty mẹ, và ghi nhận vào vốn chủ sở hữu số tiền là 1.258.773 triệu VND và ghi nợ vào vốn khác số tiền là 1.258.773 triệu VND.

Sau đó, Công ty mua thêm lợi ích vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bằng cách phát hành 56.002.964 cổ phiếu có giá trị 1.087.542 triệu VND. Giá trị thuần của tài sản xác định được là 154.046 triệu VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm giữ 72,8% vốn chủ sở hữu trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**5. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Tiền mặt	1.448	1.203	59	189
Tiền gửi ngân hàng	1.153.670	522.236	1.037.202	364.076
Tiền đang chuyển	-	177	-	-
Các khoản tương đương tiền	2.239.457	600.000	-	-
	<u>3.394.575</u>	<u>1.123.616</u>	<u>1.037.261</u>	<u>364.265</u>

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ tương ứng xấp xỉ là 532.095 triệu VNĐ (31/12/2009: 7.666 triệu VNĐ) và 527.493 triệu VNĐ (31/12/2009: 7.198 triệu VNĐ).

**6. Các khoản phải thu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn tương đương 10.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.102 triệu VNĐ) được thế chấp để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, Công ty Cổ phần Công nghệ thực phẩm Việt Tiến và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, là các công ty con của Công ty.

Phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Lãi trích trước phải thu từ tiền gửi	38.159	29.067	521	9.075
Phải thu từ Công ty Chứng khoán Bản Việt	-	128.539	-	-
Phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan	109.623	517	586.710	30
Phải thu khác	19.041	1.161	540	-
	<u>166.823</u>	<u>159.284</u>	<u>587.771</u>	<u>9.105</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Phải thu khác bao gồm khoản phải thu các bên liên quan như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
<b>Phải thu từ Công ty Cổ phần Ma San – công ty mẹ</b>				
Phi thương mại	109.561	517	109.561	30
<b>Phải thu từ các công ty liên quan khác</b>				
Phi thương mại	62	-	477.149	-

Khoản phải thu phi thương mại từ Công ty Cổ phần Ma San không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được thu theo yêu cầu.

Khoản phải thu phi thương mại từ các công ty liên quan khác là khoản cho vay không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 15% và được thu theo yêu cầu.

Biến động dự phòng các khoản phải thu như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	1.892	515	-	-
Tăng dự phòng trong năm	3.257	1.377	-	-
Dự phòng sử dụng trong năm	(4.444)	-	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>705</b>	<b>1.892</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**7. Hàng tồn kho**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Hàng mua đang đi đường	40.210	15.681	-	-
Nguyên vật liệu	143.566	145.202	-	-
Công cụ và dụng cụ	392	496	-	-
Sản phẩm dở dang	54.965	48.365	-	-
Thành phẩm	57.414	27.544	-	-
	296.547	237.288	-	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(6.347)	(37.822)	-	-
	290.200	199.466	-	-

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>	<u>Công ty</u>
	<u>2010</u>	<u>2010</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Số dư đầu năm	37.822	-
Tăng dự phòng trong năm	7.775	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(39.250)	-
Số dư cuối năm	6.347	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị sổ sách là 20.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 31.049 triệu VNĐ) và 2.500.000 Đô la Mỹ được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan. Hàng tồn kho và khoản phải thu thương mại của Tập đoàn với giá trị tổng cộng là 10.000.000 Đô la Mỹ cũng được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**8. Tài sản cố định hữu hình**

**Tập đoàn**

	<b>Nhà cửa và cấu trúc Triệu VNĐ</b>	<b>Nâng cấp tài sản thuê Triệu VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng Triệu VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển Triệu VNĐ</b>	<b>Tổng Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	124.455	1.175	16.317	439.340	16.191	597.478
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	-	1.040	1.057	2.509	4.606
Tăng trong năm	4.714	-	5.745	57.531	10	68.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	54.506	6.399	599	51.757	-	113.261
Thanh lý	(601)	(926)	(234)	(4.198)	(118)	(6.077)
Phân loại lại	(477)	-	(441)	1.616	(698)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>182.597</b>	<b>6.648</b>	<b>23.026</b>	<b>547.103</b>	<b>17.894</b>	<b>777.268</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	14.824	675	4.632	103.460	8.404	131.995
Khấu hao trong năm	9.616	2.239	4.611	67.440	2.290	86.196
Thanh lý	(477)	(746)	(70)	(764)	(95)	(2.152)
Phân loại lại	(396)	-	(112)	448	60	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.567</b>	<b>2.168</b>	<b>9.061</b>	<b>170.584</b>	<b>10.659</b>	<b>216.039</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	109.631	500	11.685	335.880	7.787	465.483
Số dư cuối năm	159.030	4.480	13.965	376.519	7.235	561.229

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản trị giá 17.205 triệu VNĐ được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 7.946 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình với giá trị là 227.540 triệu VNĐ (31/12/2009: 93.843 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn. Tham chiếu mục Thuyết minh 16(c), 16(d), 16(i), 20(a), 20(b), 20(c), 20 (d), 20(e), 20(f) và 20(h), một số tài sản cố định khác sẽ được thế chấp để đảm bảo những khoản vay trên khi những khoản vay này được giải ngân, danh sách tài sản thế chấp sẽ được gửi kèm cho bên cho vay.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý là 11.365 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 9.269 triệu VND).

Giá trị còn lại của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình là 28.107 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 429 triệu VND).

**Công ty**

Trong năm 2010, Công ty đã mua thiết bị văn phòng có giá trị là 269 triệu VND. Giá trị khấu hao trong năm là 18 triệu VND. Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình của Công ty là 251 triệu VND.

**9. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

**Tập đoàn**

	<b>Máy móc và thiết bị Triệu VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	16.871
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	2.775
Khấu hao trong năm	2.410
Số dư cuối năm	5.185
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	14.096
Số dư cuối năm	11.686

Các thiết bị sản xuất này được thuê bởi một công ty con, Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San, theo các hợp đồng thuê tài chính với Công ty cho Thuê Tài chính Vietcombank, chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Vào cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan có quyền lựa chọn mua lại các thiết bị này theo giá ưu đãi. Thiết bị thuê này được dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

**Tập đoàn**

	<b>Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ</b>	<b>Phần mềm vi tính Triệu VNĐ</b>	<b>Nhãn hiệu Triệu VNĐ</b>	<b>Tổng Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	77.611	4.531	546	82.688
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	-	720	-	720
Tăng trong năm	-	2.274	-	2.274
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	200	200
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>77.611</b>	<b>7.525</b>	<b>746</b>	<b>85.882</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	8.349	1.338	136	9.823
Khấu hao trong năm	1.717	1.596	182	3.495
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.066</b>	<b>2.934</b>	<b>318</b>	<b>13.318</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	69.262	3.193	410	72.865
Số dư cuối năm	67.545	4.591	428	72.564

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 39.859 triệu VNĐ (31/12/2009: 40.902 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty**

Trong năm 2010, Công ty mua phần mềm vi tính với trị giá 234 triệu VNĐ. Giá trị khấu hao trong năm là 15 triệu VNĐ. Giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 219 triệu VNĐ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<u>Tập đoàn</u> 2010 Triệu VNĐ	<u>Công ty</u> 2010 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	52.916	-
Tăng từ hợp nhất kinh doanh	7.016.200	-
Tăng trong năm	660.865	1.569
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(113.261)	-
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(200)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	7.616.520	1.569

Theo trình bày trong Thuyết minh 4, vào ngày 23 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn đã mua Công ty TNHH Khai thác Khoáng sản Núi Pháo, mà công ty này sở hữu một trữ lượng khoáng sản. Dựa theo báo cáo định giá của trữ lượng khoáng sản này, do một công ty định giá độc lập thẩm định tại ngày 23 tháng 9 năm 2010, Tập đoàn ước tính giá trị của trữ lượng khoáng sản là 7.016.200 triệu VNĐ. Ban Giám đốc tin rằng khoản định giá này đã phản ánh một ước tính hợp lý giá trị của trữ lượng khoáng sản tại ngày mua. Sau ngày mua, phát sinh thêm các chi phí cho việc phát triển khai thác khoáng sản.

**12. Các khoản đầu tư**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
<b>Đầu tư dài hạn</b>				
Đầu tư vào công ty con	-	-	10.557.997	2.346.315
Đầu tư vào công ty liên kết	8.099.909	3.919.827	8.103.981	4.084.496
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	8.099.909	3.919.827	18.661.978	6.430.811
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	490.000	726.000	-	296.000
Cho Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt, một cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vay ngắn hạn	-	50.000	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	490.000	776.000	-	296.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty con của Công ty như sau:

<b>Tên công ty</b>	<b>31/12/2010 Triệu VNĐ</b>	<b>31/12/2009 Triệu VNĐ</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	8.400.824	1.388.851
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	516.600	516.464
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	441.200	441.000
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	1.199.373	-
	10.557.997	2.346.315

Chi tiết các công ty con được hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010:

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Bằng Lăng	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Phong Lan	Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Tư vấn Hoa Đồng Tiền	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Hoa Thực Dược	Tầng 6, Tòa nhà Mê Linh Point, số 2 Ngô Đức Kế, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành viên Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Lầu 12, Tòa nhà Kumho Asiana Plaza Saigon, số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	Lô 6, Khu Công nghiệp Tân Đông Hiệp A, Huyện Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến	Lô III-10-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San HD	Lô 22, Khu Công nghiệp Đại An, Thành phố Hải Dương, Việt Nam
Công ty Cổ phần Ma San PQ	261 Nguyễn Trung Trực, Phường 5, Thị trấn Dương Đông, Huyện Phú Quốc, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Lô III-12-Nhóm Công nghiệp III, Khu Công nghiệp Tân Bình, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

<b>Tên công ty</b>	<b>Địa chỉ</b>
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Ma San Thái Nguyên	Phòng 802, Lầu 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo	Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

#### **(a) Khoản đầu tư vào trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**

Đến cuối tháng 11 năm 2010, khoản đầu tư vào công ty liên kết phản ánh 19,88% lợi ích vốn chủ sở hữu trực tiếp của Công ty vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Techcombank"), đã bị suy giảm trong năm từ 19,99% tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 do chi trả bằng cổ phiếu cho người lao động. Trong nửa sau của năm 2010, Techcombank chuẩn bị phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Trong tháng 12 năm 2010, Công ty đăng ký và mua 19.464.491 trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành, trong đó có 13.500.000 trái phiếu đã được mua lại từ các trái chủ khác và 5.964.491 trái phiếu được đăng ký mua trực tiếp bởi Công ty. Đổi lại, Công ty đã phát hành một công cụ vốn chủ sở hữu là 32.538.500 cổ phiếu phổ thông của Công ty sẽ được phát hành chậm nhất vào ngày 30 tháng 6 năm 2012, với trị giá là 2.440.387 triệu VNĐ. Công ty cũng đã trả 596 tỷ VNĐ vào ngày 24 tháng 12 năm 2010 và 900 tỷ VNĐ vào ngày 24 tháng 3 năm 2011. Công ty cũng đồng ý với Techcombank là sẽ chuyển đổi các trái phiếu trên sang cổ phiếu phổ thông của Techcombank trong vòng một năm ngay sau tháng 12 năm 2015 một cách bắt buộc và không thể hủy ngang. Kết quả của các thỏa thuận này là, Tập đoàn sẽ không nhận được khoản chi trả tiền mặt nào của phần nợ gốc và lãi của các trái phiếu nhưng Tập đoàn được quyền hưởng cổ phiếu tài sản thuần của Techcombank mà các công cụ tài chính này đã thể hiện. Kết quả là, Tập đoàn đã tăng lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank lên 28,94%: 19,88% được duy trì bằng 5.964.491 trái phiếu và các thỏa thuận chuyển đổi tương ứng mà Công ty trực tiếp mua; và 9% tăng thêm do 13.500.000 trái phiếu và các thỏa thuận chuyển đổi tương ứng mua từ các trái chủ khác.

Công ty ký một hợp đồng hoán đổi để giảm thiểu rủi ro về lợi ích kinh tế trong giao dịch này. Hợp đồng hoán đổi này cho phép Công ty được nhận tiền mặt lên đến 1.116 tỷ VNĐ trong vòng 18 tháng kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2010 tùy thuộc vào kết quả hoạt động của Techcombank trong năm 2011.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

Được xem là một sự kiện sau niên độ, vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết một thỏa thuận để mua thêm 2.834.402 trái phiếu từ các trái chủ khác và đã đồng ý sẽ chuyển đổi các trái phiếu trên sang cổ phiếu phổ thông một cách bắt buộc và không thể hủy ngang. Giá mua bao gồm tiền mặt là 17.352 triệu VNĐ, phải trả trong vòng sáu tháng, và một thỏa thuận phát hành 10.814.545 cổ phiếu phổ thông của Công ty trong thời hạn 18 tháng bắt đầu từ ngày 10 tháng 1 năm 2011. Kết quả là, lợi ích kinh tế thực tế của Công ty trong Techcombank đã tăng lên 30.84% vào ngày phát hành các báo cáo tài chính này.

Được xem là một sự kiện sau niên độ, vào ngày 10 tháng 1 năm 2011, Công ty ký một hợp đồng hoán đổi khác để nhận được tiền mặt, trong 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, số tiền lên đến 234.357 triệu VNĐ tùy thuộc vào kết quả hoạt động của Techcombank trong năm 2011. Tổng cộng, Công ty đã trả 100 tỷ VNĐ vào ngày 24 tháng 3 năm 2011 cho các hợp đồng hoán đổi trên. Các khoản phải thu theo hợp đồng hoán đổi thay đổi theo lợi nhuận của Techcombank. Khoản phải thu trên hợp đồng hoán đổi này được tính dựa trên khoảng 11 lần lợi nhuận kế hoạch của Techcombank, nhưng chỉ dao động từ 1.818 tỷ VNĐ đến 2.727 tỷ VNĐ. Các khoản phải thu cho các hợp đồng hoán đổi trên là các tài sản tiềm tàng và không được ghi nhận vì các khoản phải thu là không chắc chắn.

Tổng hợp các sự kiện sau niên độ, tổng số tiền mà Công ty đã trả cho việc tăng lợi ích kinh tế thực tế trong Techcombank lên đến 30.84% bao gồm tiền mặt là 1.496 tỷ VNĐ đã trả cho trái phiếu, 100 tỷ VNĐ cho các hợp đồng hoán đổi và thỏa thuận phát hành 43.353.045 cổ phiếu phổ thông của Công ty (khoảng 7,8% tổng số cổ phần phổ thông có thể tăng thêm đang lưu hành tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010) có giá trị khoảng 3.251 tỷ VNĐ. Thông qua các hợp đồng hoán đổi này, Công ty có thể nhận được một số tiền lên đến 1.351 tỷ VNĐ trong vòng 18 tháng sau khi kết thúc việc mua lại trái phiếu do Techcombank phát hành.

#### (b) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn

Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn ban đầu trên ba tháng tính từ ngày giao dịch. Khoản tiền này bằng Đồng Việt Nam và hưởng lãi suất 11% một năm (2009: từ 8,5% đến 9,8%).

### 13. Chi phí trả trước dài hạn

#### Tập đoàn

	Chi phí trước hoạt động	Chi phí đất trả trước	Trục in	Công cụ và dụng cụ	Chi phí vay	Tổng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	-	2.446	341	9.098	-	11.885
Tăng trong năm	56.796	-	2.549	1.723	9.735	70.803
Thanh lý	-	-	-	(16)	-	(16)
Phân bổ trong năm	-	(45)	(2.687)	(8.164)	(1.005)	(11.901)
Số dư cuối năm	56.796	2.401	203	2.641	8.730	70.771



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**Công ty**

	<b>Chi phí vay Triệu VNĐ</b>
Số dư đầu năm	-
Tăng trong năm	9.735
Phân bổ trong năm	(1.005)
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.730
	<hr/>

**14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	<b><u>Tập đoàn</u></b>		<b><u>Công ty</u></b>	
	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:				
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	55	-	-
Chiết khấu hàng bán trích trước	12.841	7.858	-	-
Chi phí quảng cáo khuyến mại trích trước	20.037	8.651	-	-
Chi phí vận chuyển trích trước	6.328	4.229	-	-
Chi phí phải trích trước	2.094	710	-	-
Lỗi tính thuế mang sang	4.737	3.917	-	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	3.117	-	-	-
	<hr/>			
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	49.154	25.420	-	-
	<hr/>			
Nợ thuế thu nhập hoãn lại:				
Xây dựng cơ bản dở dang	(751.021)	-	-	-
	<hr/>			

Lỗi tính thuế hết hiệu lực trong các năm sau:

<b>Năm hết hiệu lực</b>	<b>Tình hình quyết toán</b>	<b>Số lỗi được khấu trừ Triệu VNĐ</b>
2014	Chưa quyết toán	15.662
2015	Chưa quyết toán	3.284
		<hr/>
		18.946
		<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Tập đoàn</b>		<b>Công ty</b>	
	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>31/12/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Chi phí trích trước khác	205	-	-	-
Lỗ tính thuế	7.150	7.834	893	7.019
	<b>7.355</b>	<b>7.834</b>	<b>893</b>	<b>7.019</b>

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Lỗ tính thuế sẽ hết hiệu lực trong năm năm kể từ năm phát sinh. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**15. Lợi thế thương mại**

	<b>Triệu VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm/cuối năm	5.954
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	1.786
Phân bổ trong năm	596
Số dư cuối năm	2.382
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	4.168
Số dư cuối năm	3.572

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**16. Vay và nợ ngắn hạn**

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
		Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
<b>Vay ngắn hạn</b>					
Khoản vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	320.893	69.050	-	-
Khoản vay 2	(b)	69.546	19.599	-	-
Khoản vay 3	(c)	167.357	269.806	-	-
Khoản vay 4	(d)	45.693	33.086	-	-
Khoản vay 5	(e)	-	68.749	-	-
Khoản vay 6	(f)	9.122	-	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng HSBC					
Khoản vay 1	(g)	1.731	12.468	-	-
Khoản vay 2	(h)	32.111	-	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng Vietinbank					
Khoản vay 1	(i)	18.576	24.507	-	-
Khoản vay 2	(j)	143.340	166.450	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng ANZ	(k)	31.603	-	-	-
Khoản vay từ Ngân hàng Sacombank					
Khoản vay từ cá nhân	(m)	-	466	-	-
Khoản vay từ bên bán chính	(n)	28.980	-	-	-
Khoản vay từ công ty mẹ	(o)	205.679	-	-	-
		1.084.303	664.181	-	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)</b>					
		40.371	23.079	-	-
		1.124.674	687.260	-	-

- a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San và được đảm bảo bằng các khoản đầu tư của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San vào các công ty con, Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan, Công ty Cổ phần Ma San PQ và Công ty Cổ phần Ma San HD.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,75% đến 7,00% (2009: 6,44% đến 8,81%).

Trong năm, khoản vay bằng VND chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 13,00% (2009: 6,00% đến 11,28%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

- b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.
- Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,30% đến 7,00% (2009: 4,73% đến 7,00%).
- Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 11,00% đến 15,00% (2009: 7,62% đến 12,56%).
- c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 400 tỷ VNĐ và được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 32.742 triệu VNĐ (31/12/2009: 33.591 triệu VNĐ) và tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 13.380 triệu VNĐ (31/12/2009: 14.725 triệu VNĐ).
- Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 3,30% đến 6,50% (2009: 3,30% đến 8,0%). Khoản vay này đã được hoàn trả đủ trong năm.
- Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 15,80% (2009: 6,00% đến 12,00%).
- d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 50 tỷ VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25.971 triệu VNĐ (31/12/2009: 34.027 triệu VNĐ).
- Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,00% đến 6,50% (2009: 3,00% đến 7,00%).
- Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 12,5%.
- e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD với hạn mức tối đa là 80 tỷ VNĐ. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 12,00% trong năm 2009. Khoản vay này đã được hoàn trả đủ trong năm.
- f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San PQ với hạn mức tối đa là 10 tỷ VNĐ và không được đảm bảo. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 13,80% (2009: Không).
- g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với hạn mức tối đa là 1.500.000 Đô la Mỹ. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lần lượt là 20.000 triệu VNĐ và 10.000 triệu VNĐ (31/12/2009: 31.049 triệu VNĐ và 1.102 triệu VNĐ). Khoản vay này cũng được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm dao động từ 4,25% đến 5,25% (2009: 4,27% đến 8,24%).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

- h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan với hạn mức tối đa 6.000.000 Đô la Mỹ và được bảo đảm bởi hàng tồn kho và khoản phải thu của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị là 5.000.000 Đô la Mỹ.
- Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm dao động từ 5,06% đến 5,25%.
- Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,25% đến 12,50%.
- i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến với hạn mức tối đa là 108.000 triệu VNĐ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 13.672 triệu VNĐ (31/12/2009: 15.346 triệu VNĐ), quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.397 triệu VNĐ (31/12/2009: 4.516 triệu VNĐ) và khoản phải thu khách hàng của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị ghi sổ tương đương không VNĐ (31/12/2009: 152.329 VNĐ). Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 10,50% đến 14,26% (2009: 6,15% đến 12,92%).
- j) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 200.000 triệu VNĐ và được đảm bảo bằng khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị tương đương 498.100 triệu VNĐ (31/12/2009: 441.927 triệu VNĐ). Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm dao động từ 12,00% đến 14,50% (2009: 6,00% đến 6,05%).
- k) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 10 triệu Đô la Mỹ hoặc có giá trị tương đương bằng VNĐ và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Khoản vay này còn được bảo đảm bởi hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và khoản phải thu thương mại của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có giá trị ghi sổ là 10.000.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 14,50% (2009: Không).
- l) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San với hạn mức tối đa là 200 tỷ VNĐ hoặc có giá trị tương đương bằng Đô la Mỹ và không được đảm bảo. Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm là 6,00% (2009: Không).
- m) Khoản vay này không được đảm bảo và không chịu lãi suất vay từ Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này đã được hoàn trả đủ trong năm.
- n) Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất năm từ 0% đến 15%.
- o) Vào ngày 1 tháng 12 năm 2010, NPV tham gia ký kết một thỏa thuận với công ty mẹ của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Ma San, cho một khoản tín dụng có giá trị là 15 triệu Đô la Mỹ để tài trợ cho việc giải tỏa, bồi thường và di dời. Khoản vay này không được đảm bảo và trong năm chịu lãi suất năm là 15%.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)****17. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp	104.132	56.359	5	5
Thuế giá trị gia tăng	25.378	19.834	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	1.292	739	-	-
Thuế khác	22.040	485	1.355	80
	152.842	77.417	1.360	85

**18. Chi phí phải trả**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	31/12/2010	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	192.374	78.463	-	-
Lãi vay phải trả	146.578	13.650	141.569	13.650
Chiết khấu hàng bán	51.362	31.432	-	-
Chi phí vận chuyển	25.516	16.914	-	-
Thưởng và lương tháng 13	18.163	4.196	712	-
Phí tư vấn	18.326	-	18.326	-
Thuế nhà thầu	15.367	1.437	14.805	1.437
Chi phí khác	35.152	17.498	255	882
	502.838	163.590	175.667	15.969

**19. Phải trả khác**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản phải trả khác trong bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn và bảng cân đối kế toán riêng của Công ty chủ yếu bao gồm khoản phải trả liên quan đến việc mua trái phiếu Techcombank với số tiền là 982.648 triệu VNĐ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**20. Vay và nợ dài hạn**

	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ
<b>Vay dài hạn</b>					
Vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	14.000	19.600	-	-
Khoản vay 2	(b)	1.073	1.381	-	-
Khoản vay 3	(c)	28.000	12.009	-	-
Khoản vay 4	(d)	6.750	7.733	-	-
Khoản vay 5	(e)	12.393	15.033	-	-
Khoản vay 6	(f)	86.337	-	-	-
Khoản vay 7	(g)	60.763	5.815	-	-
Vay từ Ngân hàng ACB					
Khoản vay 1	(h)	5.616	7.751	-	-
Khoản vay 2	(h)	7.301	8.638	-	-
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại Dương					
Hối phiếu nhận nợ (thuyết minh số 4)	(j)	2.855.764	-	-	-
Trái phiếu chuyển đổi phát hành cho TPG	(k)	630.000	630.000	630.000	630.000
Nợ chuyển đổi phát hành cho International Finance Corporation	(l)	760.000	-	760.000	-
Nợ chuyển đổi phát hành cho Jade Dragon (Mauritius) Limited	(m)	567.960	-	567.960	-
		<b>5.035.957</b>	<b>751.358</b>	<b>1.957.960</b>	<b>630.000</b>
<b>Nợ thuê tài chính</b>					
	(n)	4.974	6.444	-	-
		<b>5.040.931</b>	<b>757.802</b>	<b>1.957.960</b>	<b>630.000</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
		31/12/2010 Triệu VNĐ	31/12/2009 Triệu VNĐ	31/12/2010 Triệu VNĐ	
<b>Hoàn trả trong vòng 12 tháng</b>					
Vay từ Ngân hàng Vietcombank					
Khoản vay 1	(a)	(5.600)	(5.600)	-	-
Khoản vay 2	(b)	(429)	(395)	-	-
Khoản vay 3	(c)	(7.000)	-	-	-
Khoản vay 4	(d)	(1.800)	-	-	-
Khoản vay 5	(e)	(3.520)	(2.640)	-	-
Khoản vay 7	(g)	(15.191)	-	-	-
Vay từ Ngân hàng ACB	(h)	(4.895)	(4.504)	-	-
Vay từ Ngân hàng TMCP Đại Dương	(i)	-	(8.137)	-	-
Nợ thuê tài chính	(n)	(1.936)	(1.803)	-	-
		(40.371)	(23.079)	-	-
		5.000.560	734.723	1.957.960	630.000

- (a) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 16.112 triệu VNĐ (31/12/2009: 23.067 triệu VNĐ). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 25 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 14,3% đến 16,4% (2009: từ 10,5% đến 12%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 2.800 triệu VNĐ.
- (b) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San. Khoản vay này bằng Đô la Mỹ và nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 55.000 Đô la Mỹ (31/12/2009: 77.000 Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 9.170 triệu VNĐ (31/12/2009: 1.594 triệu VNĐ) và chịu lãi suất bằng với lãi suất Libor 6 tháng cộng 2,50% (2010: 7,00% và 2009: từ 4,00% đến 5,70% một năm). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 11.000 Đô la Mỹ.
- (c) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 63.266 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 190 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm là 12,00% (2009: 6,50%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 16 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 1.750 triệu VNĐ.
- (d) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 14.286 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 45.350 triệu VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 14,3% đến 16,4% (2009: 6,50%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 15 kỳ ba tháng, mỗi kỳ trả 450 triệu VNĐ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

- (e) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 19.899 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 17,6 tỷ VNĐ và chịu lãi suất năm dao động từ 14,3% đến 16,4% (2009: 6,70%). Khoản vay này được hoàn trả trong 13 kỳ hàng quý, mỗi kỳ trả 880 triệu VNĐ và đợt cuối cùng gồm số dư còn lại được trả vào ngày 14 tháng 4 năm 2014.
- (f) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 46.981 triệu VNĐ. Khoản vay có hạn mức tối đa là 310 tỷ VNĐ và trong năm chịu lãi suất năm dao động từ 14,80% đến 14,90%. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, khoản vay này chưa được giải ngân hết và chưa có lịch trả nợ.
- (g) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 163 tỷ VNĐ.

Trong năm, khoản vay bằng VNĐ chịu lãi suất năm là 12% (2009: 10,5%) và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 5.727 triệu VNĐ.

Trong năm, khoản vay bằng Đô la Mỹ chịu lãi suất năm là 6,8% và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 766.568 Đô la Mỹ được hoàn trả trong 8 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 95.821 Đô la Mỹ.

- (h) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và được bảo đảm bằng nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 4.803 triệu VNĐ (31/12/2009: 5.084 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 2.720 triệu VNĐ (31/12/2009: 2.795 triệu VNĐ). Các khoản vay này bao gồm:

Khoản vay 1 được cấp với hạn mức tối đa là 720.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm bằng với lãi suất SIBOR 6 tháng cộng 1,90% (2010: 7,00% đến 7,60%; 2009: 6,00% một năm). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 288.000 Đô la Mỹ (2009: 432.000 Đô la Mỹ) được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 72.000 Đô la Mỹ.

Khoản vay 2 được cấp với hạn mức tối đa là 600.000 Đô la Mỹ. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm 7,60% (2009: 7,60%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tương đương là 374.424 Đô la Mỹ (2009: 481.460 Đô la Mỹ) và được hoàn trả trong 6 kỳ sáu tháng, mỗi kỳ trả 53.520 Đô la Mỹ và đợt cuối gồm số dư còn lại được trả vào ngày 16 tháng 9 năm 2013.

- (i) Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Ma San HD và được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San. Trong năm 2009, khoản vay này chịu lãi suất năm là 10,50%. Khoản vay này được trả đủ vào ngày 8 tháng 11 năm 2010.
- (j) Hối phiếu nhận nợ được trả cho bên bán chính vào ngày 23 tháng 9 năm 2016 và ngày 23 tháng 9 năm 2017 lần lượt là 237.980 triệu VNĐ và 2.617.784 triệu VNĐ. Hối phiếu nhận nợ này được phát hành dùng để mua NPV (thuyết minh số 4).



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- (k) Trái phiếu phải trả dài hạn phát hành cho TPG bao gồm (i) ba trái phiếu có thể chuyển đổi, với mệnh giá là 180 tỷ VNĐ trên mỗi trái phiếu, được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan, Công ty TNHH TPG Star Masan II, và Công ty TNHH TPG Star Masan III (được gọi chung là “TPG”); và (ii) trái phiếu có thể chuyển đổi với mệnh giá là 90 tỷ VNĐ được ký kết với Công ty TNHH TPG Star Masan.

Bên cạnh các điều khác, thỏa thuận này bao gồm các điều sau:

- (i) Lãi suất là 15% một năm, cộng dồn hàng năm và phải trả khi trái phiếu đáo hạn. Lãi vay không được hoàn trả nếu quyền chuyển đổi được thực hiện. Các trái phiếu này hết hạn vào ngày 10 tháng 11 năm 2012.
  - (ii) Trái phiếu được đảm bảo bằng 4.410.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San được sở hữu bởi Công ty.
  - (iii) Trái phiếu này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty từ ngày 1 tháng 4 năm 2011 đến ngày hết hạn của trái phiếu theo quyền chọn của trái chủ. Tuy nhiên, tại bất kỳ thời điểm nào sau khi các báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 được cung cấp cho trái chủ, và giá giao dịch của các cổ phiếu phổ thông được niêm yết của Công ty cao hơn 200% so với giá chuyển đổi có thể áp dụng trong thời hạn liên tục 90 ngày giao dịch, Công ty có quyền yêu cầu chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông theo giá chuyển đổi đó.
  - (iv) Giá chuyển đổi được xác định là 20.374 VNĐ trên mỗi cổ phiếu và giá trị sẽ được điều chỉnh dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn.
  - (v) Khi công ty phát hành thêm quyền mua cổ phiếu phổ thông, trái chủ được đảm bảo được hưởng các quyền lợi và điều kiện như những người được nhận các quyền này. Nếu điều này không thực hiện được, trái chủ sẽ được trả một khoản tiền tương đương với giá trị hợp lý của những quyền đó.
- (l) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi, với nợ gốc là 760 tỷ VNĐ được ký với International Finance Corporation (“IFC”), trong đó 190 tỷ VNĐ được chuyển đổi thành Cổ phiếu phổ thông của Công ty.

Bên cạnh các điều khác, thỏa thuận này bao gồm các điều sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay là 8% một năm từ ngày giải ngân đến ngày 15 tháng 4 năm 2012 và là 20,4% một năm từ ngày 15 tháng 4 năm 2012 đến ngày hết hạn cho phần được chuyển đổi. Lãi suất của khoản vay là 20,4% một năm cho phần không được chuyển đổi từ ngày 15 tháng 4 năm 2013 đến ngày 15 tháng 4 năm 2016. Khoản vay này hết hạn ngày 15 tháng 6 năm 2016.
- (ii) IFC có thể thực hiện quyền chọn để chuyển đổi ở mức tối đa là 190 tỷ VNĐ, trong tổng nợ gốc và có thể yêu cầu Công ty niêm yết các cổ phiếu chuyển đổi này. Có hai kỳ chuyển đổi: kỳ đầu tiên bắt đầu sau 12 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc sau 36 tháng sau ngày 31 tháng 5 năm 2010, kỳ chuyển đổi thứ hai bắt đầu từ sau 36 tháng kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2010 và kết thúc vào ngày 15 tháng 4 năm 2016. Lãi vay phải trả sẽ tiếp tục được trích trước và phần thanh toán cho phần bảo đảm vẫn tiếp tục trả cho các khoản vay chuyển đổi nếu IFC không thực hiện quyền chuyển đổi trong kỳ chuyển đổi đầu tiên.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con

### Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

- (iii) Giá chuyển đổi được xác định dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010 của Tập đoàn và sẽ được điều chỉnh cho bất kỳ sự suy giảm nào mà đã được nêu trong hợp đồng thỏa thuận và phụ thuộc vào xác nhận của một đại diện độc lập về việc tính toán này.
- (iv) Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bảo lãnh cho khoản vay này. Khoản vay này được đảm bảo bởi 2.800.000 cổ phiếu phổ thông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San.
- (m) Khoản vay này là khoản vay chuyển đổi bằng đô la Mỹ với nợ gốc tương đương là 567.960 triệu VNĐ.

Bên cạnh các điều khác, thỏa thuận này bao gồm các điều sau:

- (i) Lãi suất của khoản vay này gồm hai phần: lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại. Lãi suất hoãn lại sẽ không được trả nếu khoản vay này được chuyển đổi. Trong kỳ từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày 14 tháng 12 năm 2012, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 2% một năm và 6% một năm. Trong kỳ từ ngày 15 tháng 12 năm 2012 đến ngày 14 tháng 12 năm 2013, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại là 4% một năm cho từng phần. Trong kỳ từ ngày 15 tháng 12 năm 2013 đến ngày 14 tháng 12 năm 2015, lãi suất danh nghĩa và lãi suất hoãn lại lần lượt là 6% một năm và 2% một năm. Khoản vay này hết hạn vào ngày 14 tháng 12 năm 2015. Lãi suất danh nghĩa được cộng dồn theo ngày và lãi suất hoãn lại được cộng dồn theo năm.
- (ii) Khoản vay này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Công ty vào bất kỳ thời điểm nào sau hai năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2010 đến ngày hết hạn của khoản vay.
- (iii) Giá chuyển đổi được xác định là 65.000 VNĐ cho mỗi cổ phiếu.
- (n) Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2010			31/12/2009		
	Triệu VNĐ			Triệu VNĐ		
	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán	Tiền lãi thuê	Nợ gốc
Trong vòng một năm	2.085	149	1.936	2.120	317	1.803
Từ hai đến năm năm	3.278	240	3.038	5.042	401	4.641
	5.363	389	4.974	7.162	718	6.444

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ là 213.888 Đô la Mỹ, tương đương 4.170 triệu VNĐ (31/12/2009: 299.444 Đô la Mỹ tương đương 5.372 triệu VNĐ).

Nợ thuê tài chính được bảo đảm bằng tài sản cố định hữu hình thuê tài chính trình bày trong Thuyết minh 9.

Trong năm, Tập đoàn và Công ty đã tuân thủ theo các điều khoản liên quan đến các khoản vay trên.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**21. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	<b>Tập đoàn</b> <b>2010</b> <b>Triệu VNĐ</b>	<b>Công ty</b> <b>2010</b> <b>Triệu VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.895	-
Trích lập dự phòng trong năm	4.228	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.571)	-
	<hr/>	
Số dư cuối năm	4.552	-

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn đã đóng 1.599 triệu VNĐ (2009: 1.472 triệu VNĐ) và Công ty đã đóng 23 triệu VNĐ (2009: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)****22. Vốn cổ phần và thặng dư vốn**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	515.272.269	5.152.723	485.399.820	4.853.998
<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	-	2.166.136	-	1.421.817

Thặng dư vốn cổ phần là phần chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá của các cổ phiếu được phát hành.

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2010		2009	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	485.399.820	4.853.998	320.000	32.000
Ảnh hưởng của việc tách cổ phiếu	-	-	2.880.000	-
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu của Techcombank	-	-	249.979.671	2.499.797
Phát hành cổ phiếu mới để mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	-	-	181.880.248	1.818.802
Phát hành cổ phiếu mới bằng tiền mặt	29.872.449	298.725	50.339.901	503.399
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>515.272.269</b>	<b>5.152.723</b>	<b>485.399.820</b>	<b>4.853.998</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**23. Vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn khác của chủ sở hữu phản ánh giá trị hợp lý của cổ phiếu của Công ty sẽ được phát hành sau khi mua tài sản liên quan đến công ty con và công ty liên kết. Giá trị hợp lý của các cổ phiếu này đã được tính tại ngày mua.

	Ngày phát hành	Số lượng cổ phiếu
Mua thêm 16% lợi ích kinh tế của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Ngày 24 tháng 6 năm 2014	88.411.350
Mua 15% lợi ích kinh tế của NPV	Ngày 15 tháng 10 năm 2012	22.629.310
Mua 13.500.000 trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng Techcombank	Ngày 30 tháng 6 năm 2012	32.538.500

**24. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ	2010 Triệu VNĐ	2009 Triệu VNĐ
Tổng doanh thu				
▪ Bán thành phẩm	5.689.209	4.070.481	-	-
▪ Dịch vụ và doanh thu khác	289	7.666	-	-
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(103.211)	(119.391)	-	-
▪ Hàng bán bị trả lại và dự phòng	-	(942)	-	-
	5.586.287	3.957.814	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**25. Giá vốn hàng bán**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	3.186.842	2.545.057	-	-
▪ Thanh lý trực in	-	668	-	-
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.775	38.151	-	-
	3.194.617	2.583.876	-	-

**26. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Doanh thu lãi vay từ:				
• Tiền gửi	239.657	29.628	115.584	14.251
• Cho các cá nhân vay	7.055	8.063	-	-
• Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt vay	7.438	34.750	-	-
• Khoản đầu tư vào trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành	-	1.474	-	-
• Cho công ty con vay	-	-	19.080	-
• Cho công ty mẹ vay	103.255	19.656	103.255	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.029	2.846	17.524	30
Thu từ bán cổ phiếu	-	53.454	-	-
Bất lợi thương mại (Thuyết minh số 4)	1.239.714	-	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	4.771	10.421	-	212.680
	1.620.919	160.292	255.443	226.961



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**27. Chi phí tài chính**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Chi phí lãi vay phải trả cho:				
• Ngân hàng	92.918	43.279	-	-
• Trái chủ	140.711	13.651	140.711	13.651
• Công ty con	-	-	6.923	-
• Công ty mẹ	-	1.957	-	-
• Các cá nhân	-	30.089	-	30.089
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	29.781	14.154	15.687	-
Chi phí tài chính khác	6.867	-	5.694	-
	270.277	103.130	169.015	43.740

**28. Thu nhập khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	3.394	229	-	-
Thu từ bán phế liệu	9.639	11.838	-	-
Thu khác	6.337	6.565	-	4.447
	19.370	18.632	-	4.447

**29. Chi phí khác**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	3.925	84	-	-
Giá bán phế liệu	3.649	9.876	-	-
Phạt thuế	1.897	7.068	-	-
Chi phí khác	1.691	5.750	-	-
	11.162	22.778	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**30. Lợi nhuận từ công ty liên kết**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Lợi nhuận từ công ty liên kết	414.551	132.661	-	-
Phân bổ lợi thế thương mại	(253.953)	(84.651)	-	-
	160.598	48.010	-	-

**31. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2010	2009	2010	2009
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>				
Năm hiện tại	140.060	73.130	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	578	-	-	-
	140.638	73.130	-	-
<b>Thu nhập thuế hoãn lại</b>				
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(22.914)	(15.805)	-	-
Lợi ích lỗ tính thuế được ghi nhận	(820)	(3.917)	-	-
	(23.734)	(19.722)	-	-
Chi phí thuế thu nhập	116.904	53.408	-	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

**Tập đoàn**

	2010		2009	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		2.746.121		732.926
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	686.531	25,00%	183.232
Ưu đãi thuế	-	-	(0,04%)	(279)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(8,48%)	(232.757)	(17,56%)	(128.724)
Ảnh hưởng của mức thuế suất cao hơn đối với thu nhập và chi phí khác của các công ty con	-	-	(0,08%)	(608)
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,49%	13.314	0,54%	3.956
Thu nhập không bị tính thuế	(12,75%)	(350.078)	(1,64%)	(12.003)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	0,20%	5.442	1,07%	7.834
Lỗi tính thuế được sử dụng trước đây chưa ghi nhận	(0,22%)	(6.126)	-	-
Dự phòng thiếu trong những năm trước	0,02%	578	-	-
	4,26%	116.904	7,29%	53.408

Thu nhập không bị tính thuế phản ánh các ảnh hưởng của thuế về khoản bất lợi thương mại và lợi nhuận được chia từ công ty liên kết.

**Công ty**

	2010		2009	
	%	Triệu VND	%	Triệu VND
Lợi nhuận trước thuế		24.137		175.547
Thuế tính theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty	25,00%	6.034	25,00%	43.887
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,38%	92	1,29%	2.264
Thu nhập không bị tính thuế	-	-	(30,29%)	(53.170)
Lỗi tính thuế được sử dụng trước đây chưa được ghi nhận	(25,38%)	(6.126)	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	-	4,00%	7.019
	-	-	-	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các công ty con của Công ty hưởng các mức ưu đãi miễn giảm thuế suất khác nhau.

**(d) Các khoản thuế tiềm ẩn**

Luật thuế và việc áp dụng các luật này tại Việt Nam phụ thuộc vào diễn giải và thay đổi theo thời gian, từ Cục thuế này đến Cục thuế khác. Tình hình quyết toán thuế có thể phụ thuộc vào việc xem xét và điều tra của các cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi. Điều này có thể làm cho rủi ro về thuế ở Việt Nam là lớn hơn so với các nước khác. Ban Giám đốc cho rằng họ đã tính đủ nghĩa vụ thuế phải trả theo diễn giải về luật thuế, bao gồm các yêu cầu về chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan thuế liên quan có thể có những cách hiểu khác nhau và có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

**32. Lãi trên cổ phiếu**

**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn là 2.283.039 triệu VNĐ (2009: 416.574 triệu VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm là 492.546.102 cổ phiếu (2009: 155.608.815 cổ phiếu), được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
	<b>Triệu VNĐ</b>	<b>Triệu VNĐ</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	2.283.039	416.574

**(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	<b>2010</b>	<b>2009</b>
		<b>(Giả định)</b>
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	485.399.820	3.200.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành trong năm	7.146.282	152.408.815
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại thời điểm cuối năm	492.546.102	155.608.815

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại thời điểm đầu năm 2009 đã được điều chỉnh để phản ánh phần chia cổ phần theo tỷ lệ 1:10 vào ngày 11 tháng 7 năm 2009.

Nhằm mục đích so sánh, số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được tính lại dựa trên số lượng cổ phiếu giả định được phát hành bởi Công ty theo cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”).

**(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành sau khi điều chỉnh cho ảnh hưởng của tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng suy giảm phát sinh từ các trái phiếu chuyển đổi và các thỏa thuận phát hành cổ phiếu trong tương lai.

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (suy giảm)**

	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (cơ bản)	2.283.039	416.574
Chi phí lãi vay của trái phiếu có thể chuyển đổi, sau thuế	-	11.316
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông phổ thông (suy giảm)	2.283.039	427.890
	<hr/>	<hr/>

Lợi nhuận thuần suy giảm phân bổ cho các cổ đông có bao gồm cả lãi và các chi phí liên quan của công cụ suy giảm tiềm năng, thu nhập lãi có liên quan và thu nhà thầu nước ngoài từ công ty mẹ.

**(ii) Số cổ phiếu thường bình quân gia quyền (suy giảm)**

	2010	2009
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (cơ bản)	492.546.102	155.608.815
Ảnh hưởng của việc chuyển đổi trái phiếu và phát hành cổ phiếu từ công cụ vốn chủ sở hữu	45.466.420	4.320.648
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông (suy giảm)	538.012.522	159.929.463
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**33. Thù lao bằng cổ phiếu**

Một số nhân viên và thành viên Ban giám đốc được cấp cho quyền mua cổ phiếu của một công ty con bằng mệnh giá, quyền này sẽ được chấm dứt nếu nhân viên thôi việc. Các quyền mua cổ phiếu này được thực hiện hàng tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số cổ phiếu của công ty con được phát hành cho công sức đóng góp như sau:

	2010	2009
Nhân viên và các thành viên chủ chốt	932.779	1.067.998
Thành viên Ban Giám đốc của công ty con (trừ nhân viên và các thành viên)	99.066	60.625

**34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Cùng với số dư của bên liên quan và các giao dịch trình bày trong thuyết minh khác trong báo cáo tài chính này, Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

**Tập đoàn**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	2010 Triệu VND	2009 Triệu VND
<b>Công ty mẹ</b>			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế được chia sẻ bởi công ty mẹ	106.472	-
	Lãi và các khoản nợ vay được hoàn trả bởi công ty mẹ	-	76.370
	Mua dịch vụ	540	-
	Bán hàng hóa	44	-
	Cho công ty mẹ vay	806.200	58.543
	Thu nhập lãi từ các khoản vay và chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	10.012	-
	Mua trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cản trừ khoản vay phải thu từ công ty mẹ	-	400.000
<b>Bên liên quan khác</b>			
Công ty Cổ phần CNTT & Viễn thông Ma San	Phí bảo trì	4.115	915
	Mua máy tính	468	4.390
Công ty Bất động sản Ma San	Phí dịch vụ	3.754	16.198
	Xây dựng	6.321	-
	Doanh thu cho thuê	103	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
		<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>	Thù lao trả cho một thành viên trong Hội đồng Quản trị	1.339	161
	Khoản vay phải thu và chi phí lãi vay	-	930.089
	Vốn góp	20.000	1.030.134
<hr/>			
<b>Công ty</b>			
<b>Bên liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2010</b>	<b>2009</b>
		<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>			
Công ty Cổ phần Ma San	Chi phí lãi vay và thuế được chia sẻ bởi công ty mẹ	106.472	-
	Lãi và các khoản nợ vay được hoàn trả bởi công ty mẹ	-	76.370
	Cho công ty mẹ vay	806.200	58.543
	Thu nhập lãi từ các khoản cho vay và chi phí được chia sẻ bởi công ty mẹ	10.012	-
	Mua trái phiếu có thể hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng cách cần trừ khoản vay phải thu từ công ty mẹ	-	400.000
<b>Bên liên quan khác</b>			
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San	Khoản vay nhận từ công ty con	806.200	-
	Chi phí lãi vay	6.923	-
Công ty Cổ Phần Tầm Nhìn Ma San	Cho công ty con vay	447.381	-
Công ty Cổ Phần Tài Nguyên Ma San	Thu nhập lãi từ khoản cho công ty con vay	19.080	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>	Thù lao trả cho một thành viên trong Hội đồng Quản trị	1.339	161
	Khoản vay nhận được và chi phí lãi vay	-	930.089
	Vốn góp	20.000	1.030.134
<hr/>			

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**35. Các cam kết**

**(a) Chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Đã duyệt và đã ký kết hợp đồng	78.881	206.904	-	-
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	639.581	428.947	-	-
	<u>718.462</u>	<u>635.851</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

**(b) Thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>	<u>31/12/2010</u>	<u>31/12/2009</u>
	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>	<u>Triệu VNĐ</u>
Trong vòng một năm	36.057	32.513	1.570	-
Từ hai đến năm năm	49.274	71.838	870	-
Trên năm năm	35.653	26.584	-	-
	<u>120.984</u>	<u>130.935</u>	<u>2.440</u>	<u>-</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)**

**36. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ**

Vào ngày 11 tháng 2 năm 2011 Đại hội cổ đông của công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San đã quyết định đổi tên công ty thành Công ty CP Hàng tiêu dùng Ma san. Đại hội cổ đông cũng quyết định tái cấu trúc Tập đoàn và các công ty con của công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San bằng việc thành lập một công ty con mới được sở hữu 100% bởi Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San và Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San sẽ chuyển giao các khoản đầu tư trong các công ty con hiện tại cho công ty con mới này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty và Tập đoàn có tài sản tiền tệ bằng ngoại tệ gốc có giá trị tương đương lần lượt là 27,86 triệu Đô la Mỹ và 28,36 triệu Đô la Mỹ và nợ tiền tệ bằng ngoại tệ gốc có giá trị tương đương lần lượt là 30,75 triệu Đô la Mỹ và 36,80 triệu Đô la Mỹ, dẫn đến khoản nợ tiền tệ thuần tương đương lần lượt là 2,89 triệu Đô la Mỹ và 8,44 triệu Đô la Mỹ. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2011, tỷ giá hối đoái của Đồng Việt Nam so với đồng Đô la Mỹ bị giảm 9,3% từ 18.932 VNĐ đổi 1 Đô la Mỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thành 20.693 VNĐ đổi 1 Đô la Mỹ. Sự giảm giá trọng yếu của Đồng Việt Nam có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và Công ty. Ban Giám đốc tin rằng họ đã thiết lập một quy trình quản lý hiệu quả cho việc gia tăng về chi phí trên.

Xem thuyết minh 4 và 12 cho các sự kiện phát sinh sau niên độ khác.

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang  
Chủ tịch

Ngày 31 tháng 3 năm 2011



